

Tăng cường đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc To increase Vietnam direct investment into Korea

Hoàng Hải¹
Vũ Thị Minh Ngọc²

Tóm Tắt

Đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc được bắt đầu từ năm 2003, đến nay đã có nhiều dự án đầu tư với nhiều nhà đầu tư cá nhân và doanh nghiệp. Các dự án đầu tư chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ, bán buôn, bán lẻ, song lại ghi nhận số vốn đầu tư nhiều nhất trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Các nhà đầu tư ở miền Bắc có nhiều dự án đầu tư hơn, nhưng các dự án đầu tư ở miền Nam mới chiếm ưu thế về vốn đầu tư. Đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc còn nhiều hạn chế như, quy mô vốn thấp, thiếu vắng nhiều nhà đầu tư lớn, chưa có sự liên kết giữa các nhà đầu tư với nhau. Bài viết tập trung vào phân tích môi trường đầu tư của Hàn Quốc, thực trạng và đánh giá hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam trên thị trường Hàn Quốc, từ đó đề xuất một số giải pháp đối với nhà nước và các đầu tư Việt Nam nhằm tăng cường hơn nữa đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc. Đổi mới và hoàn thiện các thủ tục quản lý nhà nước về chuyển tiền ra nước ngoài, các hoạt động hỗ trợ đầu tư từ phía Nhà nước và sự chủ động của các nhà đầu tư Việt Nam sẽ là những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc, nhất là trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (Vietnam – Korea Free Trade Agreement – VKFTA) đã được ký kết.

Từ khóa: *Hiệp định VKFTA, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam, Hàn Quốc.*

Abstract

There have been many projects of Vietnam individual investors and businesses in South Korea since 2003. The services sectors, wholesale and retail sectors calling many Vietnam projects, but manufacturing industry attracting more large-scales investment projects. The majority of projects came from investors in the North of Vietnam, but the projects with the higher capital investment came from Southern investors. Vietnam direct investment into Korea is still limited in many aspects, such as, low capital base, absence of many big investors, no link between investors together. The paper focuses on the analysis of the Korean investment environment, the assessment of Vietnam's investment in the Korean market, thereby proposing some solutions to the State and Vietnamese investments to further increase Viet Nam's direct investment in Korea. Reforming and improving state management procedures

¹ Trường Đại học Ngoại thương, Email: hoanghai81@ftu.edu.vn

² Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

for transferring money abroad, the State support for investment and the initiative of Vietnam investors will be the main measures to promote Vietnam direct investment into Korea, especially in the context Vietnam – Korea Free Trade Agreement (VKFTA) was signed.

Key words: *VKFTA Agreement, outward foreign direct investment, Vietnam investors, Korea.*

1. Mở đầu

Nếu như Việt Nam tiếp nhận ngày càng nhiều dòng vốn đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc thì ở chiều ngược lại, tình hình có vẻ khá trầm lắng. Tính lũy kế đến tháng 3/2016, Việt Nam hiện có 28 dự án đã đầu tư sang Hàn Quốc với quy mô khiêm tốn, với tổng số vốn đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam là 11,1 triệu USD, đứng thứ 32/68 quốc gia và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam (Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016). Thực tế này chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai nước. Việc ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) hy vọng sẽ giúp tăng cường đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang khu vực này.

2. Môi trường đầu tư của Hàn Quốc và tình hình đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc

2.1. Môi trường đầu tư của Hàn Quốc

Hàn Quốc là một đối tác lớn của Việt Nam về cả thương mại lẫn đầu tư. Thông qua việc ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) thị trường Hàn Quốc được mở rộng hơn đối với cả dòng hàng hóa và dòng vốn đầu tư từ Việt Nam. Mặc dù mở rộng cửa chào đón dòng vốn từ nước ngoài vào trong nước, song thị trường Hàn Quốc cũng có những quy định khá khắt khe, có thể gây khó khăn cho các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam, khi muốn tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Hàn Quốc.

- Môi trường chính trị: Gần đây, chính trị Hàn Quốc liên tiếp gặp nhiều sóng gió từ các vụ bê bối của tổng thống Hàn Quốc. Môi trường chính trị không ổn định gây áp lực đến sự phát triển kinh tế trong nước, vốn cũng đang gặp nhiều khó khăn từ các vấn đề như thất nghiệp gia tăng ở thế hệ trẻ, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, nợ của các hộ gia đình tăng cao. Sự bất ổn này cũng khiến các nhà đầu tư nước ngoài băn khoăn khi tiến hành đầu tư tại Hàn Quốc trong thời điểm này.

- Môi trường luật pháp: Hệ thống luật pháp của Hàn Quốc vẫn được xem là khá bảo thủ, song hiện nay đang dần cởi mở hơn, chính phủ Hàn Quốc đã từng bước tăng cường khả năng cạnh tranh của mình, ban hành các biện pháp để thúc đẩy các ưu đãi

đầu tư nước ngoài và cho phép người không phải là người Hàn Quốc sở hữu đất đai và bất động sản khác (Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State, 2016).

Tuy vậy, đầu tư nước ngoài vào Hàn Quốc vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thiếu minh bạch quy định, các quy định, cũng như quản lý doanh nghiệp kém phát triển, chi phí lao động cao, hệ thống lao động không đồng đều và sự thống trị kinh tế đáng kể của các tập đoàn lớn, hoặc ?????khác (Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State, 2016).

Hiện nay, tại Hàn Quốc vẫn còn 31 ngành công nghiệp hạn chế về sở hữu nước ngoài, trong đó có 3 lĩnh vực hoàn toàn cấm đầu tư nước ngoài (bao gồm Sản xuất điện hạt nhân; Phát thanh; Phát sóng truyền hình). Các ngành bị hạn chế bao gồm: (i) nhóm mở cửa một phần (dưới 30%) (gồm hoạt động của các cơ quan thông tấn (hạn chế ở mức dưới 25%); sản xuất thủy điện, sản xuất nhiệt điện, máy phát điện, xuất bản báo (hạn chế ở mức dưới 30%); (ii) nhóm ngành mở cửa dưới 49% (bao gồm truyền hình vệ tinh và các chương trình phát sóng khác; phân phối chương trình; mạng cáp; điện thoại có dây, điện thoại di động, điện thoại vệ tinh và các thiết bị viễn thông khác, dịch vụ viễn thông khác); (iii) nhóm ngành mở cửa không quá 50% (bao gồm Chăn nuôi bò thịt; Đánh bắt ở bờ biển và ven biển; Truyền dẫn/phân phối điện; Bán buôn thịt; Vận tải hành khách đường thủy ven biển; Vận tải đường biển; Các hoạt động hỗ trợ khác cho vận tải hàng không; Xuất bản tạp chí và tạp chí định kỳ; Vận chuyển hàng không quốc tế; Vận chuyển hàng không nội địa; Vận tải hàng không nhỏ); (iv) nhóm mở cửa nhưng được điều chỉnh theo Luật có liên quan (bao gồm Trồng cây ngũ cốc và các cây lương thực khác trừ cây lúa mạch và lúa mạch; Ngân hàng thương mại trong nước ngoài trừ lĩnh vực ngân hàng đặc biệt; Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phóng xạ trừ quản lý chất thải phóng xạ; Sản xuất hoá chất vô cơ khác trừ nhiên liệu dùng cho sản xuất điện hạt nhân; Các kim loại màu khác tinh chế, luyện kim và hợp kim) khác (Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State, 2016).

Một số quy định đang gây trở ngại đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong 5 lĩnh vực (giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tài chính, du lịch và công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)) cũng đã được chính quyền của tổng thống Park Geun-hye đưa ra đề xuất loại bỏ vào đầu năm 2016.

Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua vào tháng 2 năm 2016 một bản sửa đổi luật FLCA cho phép các công ty luật nước ngoài thành lập liên doanh tại Hàn Quốc. Việc sửa đổi này được thực hiện để thực hiện cam kết mở cửa thị trường FTA của Hàn Quốc với nhiều đối tác lớn như Hoa Kỳ, Úc và Liên minh Châu Âu. FLCA cung cấp

một khuôn khổ để thành lập liên doanh; Tuy nhiên, hành vi thực hiện hạn chế phạm vi hành nghề của các công ty luật nước ngoài, cấm tham gia tổ tụng, tư vấn khu vực lao động, bất động sản, quyền sở hữu trí tuệ, công chứng, khai thác khoáng sản và các trường hợp liên quan đến gia đình hoặc thừa kế, trong số các lĩnh vực khác (Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State, 2016).

Hầu hết các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài được tập trung vào biện pháp thuế, trong đó bao gồm giảm thuế thu nhập và thuế đánh vào doanh nghiệp; giảm các thuế nội địa và miễn thuế hải quan. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư đáp ứng được các điều kiện nhất định, chính quyền trung ương và địa phương có thể cung cấp các khoản hỗ trợ tiền mặt đối với doanh nghiệp trong vấn đề mua đất hoặc thuê đất, hỗ trợ đào tạo giáo dục nhân lực (KOTRA, 2016).

- Môi trường kinh tế: Sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc trong nhiều năm vẫn giữ được mức ổn định mặc dù có nhiều biến động trong nền kinh tế của Hàn Quốc và thế giới. Năm 2015, GDP tính theo sức mua của Hàn Quốc đạt 1377.87 tỷ USD, GDP bình quân đầu người theo sức mua là 34.387 USD (gấp 1,5 lần so với mức năm 2010). Tăng trưởng kinh tế tiếp tục ở tốc độ vừa phải trong năm 2016, được hỗ trợ bởi một ngân sách bổ sung và lãi suất thấp kỷ lục. Sự tăng trưởng được dự báo tăng từ mức 2¾% trong năm 2016- 2017 đến 3% trong năm 2018. Lạm phát được dự đoán sẽ hội tụ với mục tiêu 2% của ngân hàng Trung ương vào năm 2018, và thặng dư tài khoản vãng lai vẫn lớn tại 6½% GDP (Tradingeconomics.com, 2017).

Sự tồn tại của các chaebol từ lâu vẫn là những trở ngại lớn đối với các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi hoạt động kinh doanh tại Hàn Quốc. Mặc dù Đạo luật về Độc quyền và Thương mại Công bằng đã được sửa đổi nhiều lần - gần đây nhất vào tháng 1 năm 2015 - tác động thực tế của luật pháp và chính sách của Hàn Quốc quy định về thực tiễn độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh đã bị hạn chế bởi sức mạnh kinh tế lâu dài của các tập đoàn gia đình (Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State, 2016).

- Môi trường văn hóa, xã hội: Hàn Quốc có nhiều nét tương đồng với Việt Nam về văn hóa, phong tục tập quán, ngày lễ... Bên cạnh đó, có khá nhiều người Việt Nam đang sinh sống, học tập và làm việc tại Hàn Quốc tạo ra một kênh truyền bá văn hóa của Việt Nam tại Hàn Quốc, góp phần hỗ trợ cho hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam một cách thuận lợi hơn, đặc biệt là vào các lĩnh vực như ẩm thực, du lịch, dịch vụ khác...Hiện nay, có khoảng 3.000 doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam và khoảng 40.000 công nhân Việt Nam đang làm việc ở Hàn Quốc, trên 1000 du học sinh Việt Nam đang theo học ở Hàn Quốc trong những ngành đào

tạo khác nhau, và trên 15.000 cô dâu Việt Nam đang làm dâu xứ Hàn. Nhờ những đóng góp tích cực của các doanh nghiệp và người Việt Nam ở Hàn Quốc mà mối quan hệ thương mại song phương và đầu tư giữa hai nước đã đạt được những kết quả khả quan (Đại sứ quán Hàn Quốc tại Hà Nội, 2015).

2.2. Đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc

Các dự án đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc đều có quy mô nhỏ chủ yếu trên lĩnh vực dịch vụ, thương mại (trung bình mỗi dự án có quy mô khoảng 400.000 USD) (Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016). Các dự án đầu tư của Việt Nam tiếp cận với thị trường Hàn Quốc khá muộn. Năm 2003 mới bắt đầu có dự án đầu tư của công ty Thiên Lộc Phát trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống. Những năm tiếp theo (2005 - 2006) cũng chỉ ghi nhận thêm 1 – 2 dự án của NĐT Việt Nam mỗi năm tại thị trường này. Năm 2009, khi Hàn Quốc ký Hiệp định AKFTA với ASEAN thì số dự án đầu tư tăng nhiều hơn, với 4 (năm 2009, 2012) – 5 dự án (năm 2011). Việc ký kết VKFTA cũng đã đem lại tín hiệu tích cực khi có thêm 5 dự án đầu tư trong năm 2015 và 2016. Điều này cho thấy, các FTA song phương và đa phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc có tác động tích cực đến hoạt động đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc.

Trong số 28 dự án OFDI sang Hàn Quốc, tính đến nay có 4 dự án đã hết hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký là 1.314.000 USD. Các dự án đã hết hiệu lực hầu như là các dự án có thời gian hiệu lực đăng ký chỉ từ 5-10 năm. Các dự án ngắn hạn này thường bắt đầu vào khoảng thời gian từ 2007 đến 2009, khi Việt Nam bắt đầu đầu tư trực tiếp vào Hàn Quốc.

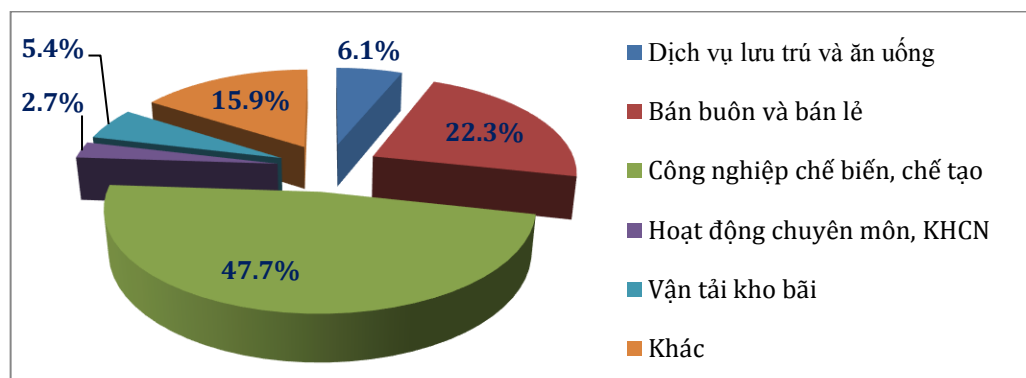
Về lĩnh vực đầu tư, các dự án đầu tư được đổ vốn nhiều nhất là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

Các dự án về chế biến chế tạo tuy số lượng dự án ít (4 DA) nhưng được đầu tư bởi nhiều công ty mạnh về tài chính nên số vốn đăng ký khá lớn (trên 5 triệu USD, chiếm 47,7% tổng số vốn đầu tư của NĐT Việt Nam). Các sản phẩm trong lĩnh vực đã được triển khai như sản xuất trò chơi trực tuyến, sản xuất xe chuyên dụng (xe tải, xe nâng...), sản xuất các linh kiện máy móc, sản xuất hạt nhựa. Trong đó, dự án của công ty cổ phần Trường Hải về sản xuất xe và dự án sản xuất kinh doanh trò chơi trực tuyến của công ty truyền thông VTC chiếm 70% tổng số vốn đăng ký trong lĩnh vực này.

Trong các lĩnh vực đầu tư trực tiếp từ Việt Nam sang Hàn Quốc thì bán buôn, bán lẻ là lĩnh vực đầu tư có số lượng dự án nhiều nhất (7 dự án, chiếm 25% tổng số dự án đầu tư), song chỉ chiếm 22,3% về tổng vốn đầu tư của nhà đầu tư (NĐT) Việt Nam. Các nhóm hàng đầu tư trong bán buôn bán lẻ bao gồm phụ tùng ô tô, thực phẩm nông

sản, vải sợi quần áo, máy móc công nghiệp, các sản phẩm nhựa, đồ thủ công mỹ nghệ...

Hình 1. Lĩnh vực đầu tư trong các dự án đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc theo tổng vốn đầu tư (tính đến tháng 3/2016)



Nguồn: Tác giả thống kê từ dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016

Lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống với việc kinh doanh các nhà hàng, cửa hàng đồ ăn Việt Nam,... cũng là một lĩnh vực được đầu tư nhiều (6 dự án), tuy nhiên số vốn đầu tư vào lĩnh vực này còn ít (trên 700 nghìn USD) vì đa số chủ sở hữu các dự án đều là cá nhân, hộ gia đình nhỏ lẻ. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ này phát triển nhất từ năm 2012 trong lĩnh vực kinh doanh đồ ăn, nhà hàng...

Các dự án về “Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ” chưa được chú trọng nhiều cả về số lượng dự án lẫn số vốn đăng ký. Đến nay mới chỉ có 2 dự án đầu tư vào lĩnh vực này với số vốn đăng ký là 300.000 USD (chiếm 2,7% tổng vốn đầu tư của NĐT Việt Nam), tập trung vào lĩnh vực chế tạo, gia công đồ trang sức và về dịch vụ thuật, tư vấn đầu tư.

Lĩnh vực “Vận tải kho bãi” dịch vụ logistic, hậu cần, mới chỉ có 2 dự án, mặc dù tổng vốn đầu tư lên tới 6 triệu USD, song vốn của nhà đầu tư Việt Nam trong liên doanh mới chỉ bằng 1/10. Cả 2 dự án của lĩnh vực này đều là dự án liên doanh, có thời gian hiệu lực dài, doanh nghiệp đầu tư là những doanh nghiệp lớn, tài chính mạnh.

Các lĩnh vực dịch vụ khác cũng chiếm khoảng 15,9% tổng vốn đầu tư của Việt Nam tại Hàn Quốc.

Về hình thức đầu tư

Đầu tư theo hình thức liên doanh của các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp Hàn Quốc còn hạn chế, chỉ chiếm 21,4% về số dự án và 14,8% về số vốn đầu tư. Mặc dù tổng vốn đầu tư của các dự án này khá lớn, thường có số vốn đăng ký từ 1 triệu USD đến 5 triệu USD, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xe chuyên dụng, vận tải

kho bãi, dịch vụ hậu cần...; song số vốn đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam chỉ chiếm khoảng 10% trong số vốn đăng ký.

50% số dự án đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc được thực hiện dưới hình thức đầu tư 100% vốn Việt Nam, chiếm 41% tổng vốn đầu tư, nhưng đa số là các dự án đầu tư nhỏ, quy mô vốn bình quân chỉ khoảng 324 nghìn USD.

Các dự án khác, phần lớn là của tư nhân và một số công ty tư nhân, được đầu tư trong các lĩnh vực như cửa hàng ăn uống, karaoke, dịch thuật và tư vấn hoặc góp vốn cổ phần hợp danh trong mua bán phụ tùng ô tô...

Theo chủ thể đầu tư

Bảng 1. Đầu tư trực tiếp từ Việt Nam sang Hàn Quốc theo chủ thể đầu tư (tính đến tháng 3/2016)

| Chủ thể đầu tư | Số dự án | | Tổng số vốn đăng ký | |
|-----------------------|----------|-----------|---------------------|-----------|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Trị giá (USD) | Tỷ lệ (%) |
| Cá nhân/hộ kinh doanh | 10 | 35,7 | 1.058.200 | 9,5 |
| Doanh nghiệp | 18 | 64,3 | 10.095.800 | 90,5 |

Nguồn: Tác giả thống kê từ dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016

Chủ thể đầu tư các dự án đầu tư sang Hàn Quốc không chỉ có các công ty, doanh nghiệp mà bao gồm cả cá nhân, chiếm hơn một phần ba tổng số các dự án với số vốn đăng ký là 1.058.200 USD (chỉ chiếm gần 10% tổng số vốn đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc. Bắt đầu từ năm 2009, các cá nhân ở Việt Nam đã tìm đến các cơ hội đầu tư sang Hàn Quốc, từ đó cho đến nay, ngày càng có thêm nhiều cá nhân quan tâm đến việc đầu tư ra nước ngoài, trong đó có thị trường Hàn Quốc.

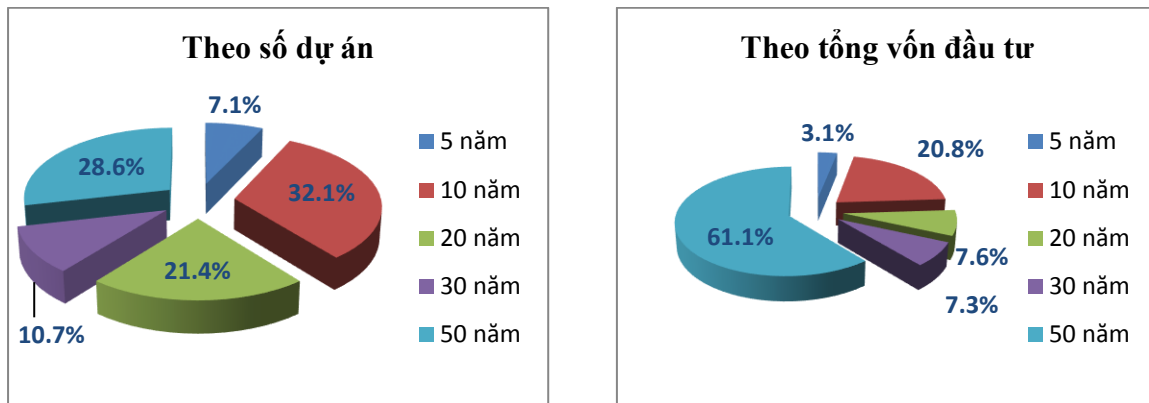
Số vốn đăng ký của cá nhân, hộ kinh doanh còn hạn chế vì lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của đối tượng này là nhà hàng, quán ăn... phục vụ đồ ăn Việt Nam. Ngoài ra kinh doanh hàng hóa, quần áo hay phụ tùng xe ô tô cũng là những mặt hàng được các cá nhân, hộ kinh doanh chú trọng.

So với các hộ kinh doanh và cá nhân, các công ty, doanh nghiệp mạnh hơn cả về số lượng dự án lẫn số vốn đăng ký, 18 dự án với số vốn đăng ký là 10.095.800 USD. Loại hình công ty cũng đa dạng, gồm 11 công ty TNHH, 6 công ty cổ phần, 1 công ty có vốn nhà nước.

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước chưa tập trung vào đầu tư trực tiếp sang Hàn Quốc. Tính đến này mới chỉ có 1 dự án về buôn bán, thu mua phụ tùng ô tô của doanh nghiệp có vốn nhà nước, tuy nhiên dự án này lại đã hết hiệu lực.

Theo thời gian dự án

Hình 2. Thời gian đầu tư trong các dự án đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc (tính đến tháng 3/2016)

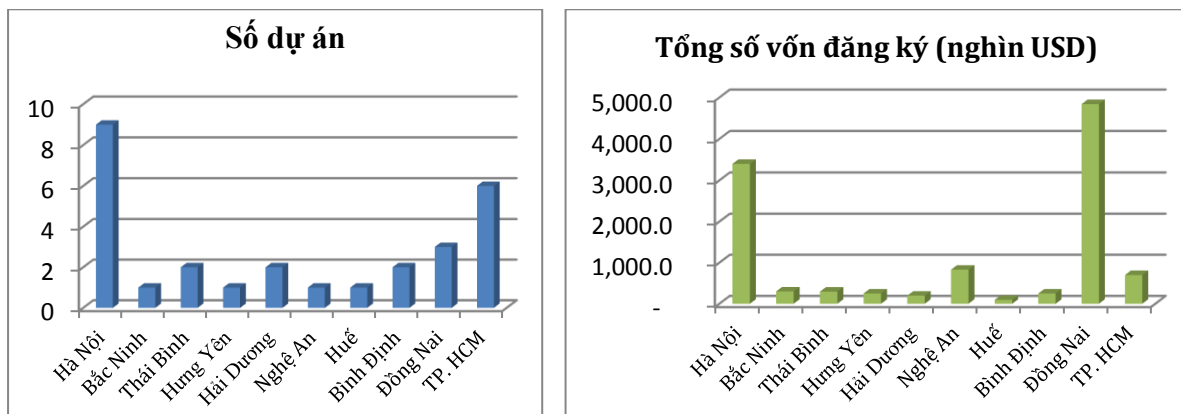


Nguồn: Tác giả thống kê từ dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016

Các dự án đầu tư ngắn hạn (dưới 5 năm) thường ít, quy mô vốn thấp và mang tính chất thăm dò thị trường. Chỉ trong giai đoạn đầu khi mới tiếp xúc với thị trường Hàn Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam mới đầu tư trong ngắn hạn. Đa số các dự án trong thời gian gần đây đều xin đầu tư trong thời gian 50 năm, tập trung trong các lĩnh vực đòi hỏi vốn lớn như vận tải, kinh doanh phụ tùng ô tô.

Theo địa phương chủ đầu tư

Hình 3. FDI từ Việt Nam sang Hàn Quốc theo địa phương chủ đầu tư (tính đến tháng 3/2016)



Nguồn: Tác giả thống kê từ dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016

So với miền Nam thì khu vực miền Bắc có nhiều hơn cả về địa phương đầu tư cũng như số lượng dự án. Tại khu vực miền Bắc hiện có 5 tỉnh, thành phố đã có dự án đầu tư sang Hàn Quốc là Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương...với tổng số vốn đã đầu tư là 4440,3 nghìn USD. Trong đó, Hà Nội là địa phương dẫn đầu về số lượng dự án đầu tư (9 dự án) vào Hàn Quốc, tuy nhiên quy mô vốn của các dự

án còn khiêm tốn (hơn 377 nghìn USD/dự án). Các địa phương còn lại dao động trong 1-3 dự án, với số vốn từ 100-300 USD.

Khu vực miền Nam tuy chỉ có 2 địa phương đã có dự án đầu tư sang Hàn Quốc là HCM, Đồng Nai, tuy nhiên tổng số vốn khu vực này chiếm khoảng một nửa tổng số vốn cả nước.

Đồng Nai tuy chỉ có 3 dự án nhưng tổng số vốn đầu tư của 2 dự án lên đến gần 10 triệu USD (trong đó vốn của nhà đầu tư Việt Nam là khoảng 50%). Trong đó một dự án về dịch vụ kho bãi và hai dự án về sản xuất xe chuyên dụng, và cả 3 đều là dự án liên doanh với doanh nghiệp Hàn Quốc.

Các dự án tại khu vực miền Bắc và miền Nam lớn cả về số lượng và quy mô vốn hơn nhiều so với khu vực miền Trung. Hiện nay khu vực miền trung hiện có 3 địa phương là Nghệ An, Bình Định, và Huế, riêng Bình Định có 2 dự án còn các địa phương còn lại, mỗi địa phương có 1 dự án đầu tư.

2.3. Đánh giá đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc

*** Kết quả:**

Hoạt động đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc mặc dù còn khiêm tốn, song cũng đạt được những kết quả bước đầu như:

(i) Cho phép doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường

Thành công của việc mở rộng thị trường tiêu thụ có thể kể đến những dự án kinh doanh dịch vụ, nhà hàng của các nhà đầu tư Việt Nam. Các dự án này tận dụng được sự gần gũi về văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc, đồng thời phát triển nhờ số lượng đông đảo người Việt tại Hàn Quốc và số lượng người Hàn Quốc đã từng làm việc hoặc đến Việt Nam. Những dự án kinh doanh ẩm thực như Phở 24... đã góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ những sản phẩm mang thương hiệu của Việt Nam ra nước ngoài. Đây là động cơ chủ yếu nhất của các doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư sang Hàn Quốc. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam như công ty TNHH vàng bạc đá quý Huy Thành, CTCP tập đoàn TVT, CTCP VTC truyền thông trực tuyến, Công ty Hoàng Ngọc Sơn Hà, Công ty TNHH Thương mại Phương Đông... đều thực hiện hoạt động đầu tư nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, tiếp thị, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Hàn Quốc.

(ii) Cho phép nhà đầu tư Việt Nam tận dụng được các ưu thế từ thị trường Hàn Quốc

Nhiều nhà đầu tư Việt Nam khi đầu tư sang Hàn Quốc chú trọng các lợi thế của Hàn Quốc như các nguồn tài nguyên, ưu thế về công nghệ. Có thể kể đến một số dự án điển hình như dự án sản xuất hạt nhựa PE, PP, HD của Công ty TNHH Đạt Thành hay dự án thành lập Công ty nhân sâm Hàn Quốc Daesan (Daesan Korea Gingseng Co.,

Ltd) của nhà đầu tư cá nhân Lê Xuân Bình (Huế); Dự án hợp tác đầu tư sản xuất, kinh doanh phụ tùng máy móc, bán sản phẩm máy móc cơ khí tại Hàn Quốc của Công ty TNHH Cơ khí - đầu tư - thương mại Lê Minh; Dự án thành lập liên doanh nhằm cung cấp dịch vụ lưu trữ, phân phối, chế biến, hậu cần quốc tế và các dịch vụ hậu cần bổ sung một trung tâm hậu cần đường biển quốc tế (logistics) tại Pusan New Port, Hàn Quốc của công ty TNHH Công thành Phú Gia... Ngoài các dự án của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cá nhân của Việt Nam, cá biệt có trường hợp doanh nghiệp FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam là Công ty KCTC Việt Nam đã đầu tư ngược trở lại Hàn Quốc, liên doanh với công ty Wooyang HC để tiếp cận với các dịch vụ hậu cần, dịch vụ kho bãi, nhằm tận dụng các lợi thế về dịch vụ kho bãi của Hàn Quốc, phát triển hệ thống logistics từ kho đến kho theo tuyến Việt Nam – Hàn Quốc.

(iii) Tăng khả năng cạnh tranh cả về chất lượng và chi phí

Trong phương diện này, có thể kể đến những doanh nghiệp đầu tư về lĩnh vực sản xuất phụ tùng ô tô, thiết bị máy móc như công ty cổ phần Trường Hải...Hàn Quốc có vị trí rất thuận lợi cho ngành công nghiệp ô tô, vì nằm giữa Nhật Bản của công nghệ cao, giá thành cao và Trung Quốc đang phát triển, chi phí thấp. Vì vậy, một trong những ưu điểm lớn của ngành công nghiệp ô tô Hàn Quốc là có sự cân bằng giữa chi phí và chất lượng. Việc tiếp cận với thị trường Hàn Quốc sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thể nâng cao năng lực sản xuất, đồng thời giảm chi phí khi tận dụng được nguồn công nghệ và nhân lực chất lượng cao tại thị trường Hàn Quốc.

(iv) Tạo dựng uy tín thương hiệu trên thị trường nước ngoài

Nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu VN sau nhiều năm mở rộng thị trường xuất khẩu vẫn chưa tạo được thương hiệu cho riêng mình trên thị trường nước ngoài, thì một vài doanh nghiệp sau một vài năm hoạt động đầu tư, uy tín và thương hiệu đã được khẳng định. Trường hợp liên doanh thành công có thể kể đến công ty TNHH vàng bạc đá quý Huy Thành, chuyên chế tác các loại trang sức, nữ trang. Song song với các hoạt động sản xuất, xuất khẩu công ty này còn liên kết với một đối tác Hàn Quốc, phát triển thương hiệu Arriba (<http://www.hktdc.com>) với 49% vốn đầu tư nước ngoài của Huy Thành Jewelry và 51% vốn của đối tác Hàn Quốc.

*** Hạn chế**

Ngoài những kết quả bước đầu đạt được của các doanh nghiệp Việt Nam, thực tế hoạt động đầu tư tại thị trường Hàn Quốc của các nhà đầu tư Việt còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế như:

(i) Quy mô vốn đầu tư nhỏ, chưa được sự tham gia đầu tư của nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam

Số vốn trung bình mỗi dự án đầu tư tại Hàn Quốc là 400.000 USD. Dự án có vốn đầu tư sang Hàn Quốc lớn nhất đến thời điểm hiện tại là của công ty Trường Hải với vốn đầu tư 4 triệu USD, còn lại đa số chưa đến 1 triệu USD, trong đó có nhiều dự án chỉ dưới 300 nghìn USD. Con số này còn khiêm tốn so với những án đầu tư tại Lào hay Campuchia với số vốn hàng chục triệu USD của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam hay Tập đoàn Viettel. Các dự án đầu tư của cá nhân cũng chiếm gần ½ số dự án đầu tư. Điều này cho thấy các doanh nghiệp của Việt Nam còn chưa mặn mà với thị trường Hàn Quốc. Việc này cũng dễ hiểu bởi thị trường Hàn Quốc thường bị chiếm lĩnh bởi các chaebol – các tập đoàn gia đình của Hàn Quốc, nên việc phát triển thị trường ngách đối với các nhà đầu tư Việt Nam là khó khăn nếu như các nhà đầu tư không có chiến lược rõ ràng và khả thi.

(ii) Chưa nhiều dự án tiếp cận được công nghệ Hàn Quốc

Hàn Quốc có được những thành tựu đáng nể về phát triển kinh tế và khoa học công nghệ một phần là nhờ những định hướng đúng đắn từ rất sớm của Chính phủ Hàn Quốc trong thúc đẩy đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Đây là một lợi thế của nước nhận đầu tư, tuy nhiên, các dự án đầu tư sang Hàn Quốc của Việt Nam hiện nay vẫn chưa có nhiều dự án với mục đích tiếp cận khoa học, công nghệ. Hầu hết các dự án chỉ tập trung trong lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, chỉ có một số ít dự án thực hiện sản xuất nhằm tận dụng công nghệ phát triển của Hàn Quốc.

(iii) Chưa có sự liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Hàn Quốc

Trong khi tại một số quốc gia được Việt Nam đầu tư đã được thành lập hiệp hội các nhà đầu tư như AVIL “Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào”, AVIM “Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Myanmar” hay Hiệp hội các nhà doanh nghiệp Việt Nam tại Liên bang Nga thì ở Hàn Quốc, chưa có Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam mặc dù cộng đồng người Việt tại Hàn Quốc khá đông đảo.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế

Các dự án đầu tư của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đã có nhiều khởi sắc, trong đó ngoài dự án đầu tư của các cá nhân thì đã có nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư vào thị trường Hàn Quốc với số vốn đầu tư lớn hơn và với thời gian đầu tư dài hơn. Tuy nhiên các dự án đầu tư của Việt Nam còn rất khiêm tốn so với số vốn đầu tư ngược chiều từ Hàn Quốc sang Việt Nam. Nguyên nhân dẫn đến các hạn chế về cả quy mô vốn, số dự án và tầm vóc của các nhà đầu tư Việt Nam xuất phát từ cả về phía Nhà nước và các nhà đầu tư. Các quy định về quản lý dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài mặc dù đã có nhiều đổi mới theo hướng khuyến khích đầu tư với việc ban hành Luật Đầu tư mới năm 2014 và Nghị định hướng dẫn năm 2015, trong đó chú trọng vào việc giảm thiểu các quy trình thủ tục chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, tăng

cường quản lý sau giấy chứng nhận đầu tư. Hầu hết các dự án đầu tư sang Hàn Quốc chỉ cần đăng ký để được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài theo Luật đầu tư 2005 và 2014 do quy mô vốn thấp. Song, vướng mắc lớn nhất vẫn nằm ở khâu chuyển tiền ra nước ngoài do hạn chế trong Quỹ dự trữ ngoại hối quốc gia. Việc kiểm soát vốn ngoại tệ đầu tư ra nước ngoài tạo ra rào cản đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, các hỗ trợ và tư vấn cho nhà đầu tư Việt Nam tại Hàn Quốc hầu như khá ít, các nhà đầu tư Việt Nam tự vận động là chính.

Ngoài nguyên nhân từ phía Nhà nước thì phần lớn do các nhà đầu tư Việt Nam. Việc đầu tư rời rạc, manh ai nấy làm, chỉ tận dụng các quan hệ cá nhân để đầu tư ra nước ngoài. Nguyên nhân khác là do các doanh nghiệp chưa thấy được sức hút từ phía thị trường Hàn Quốc, một phần là do thủ tục đầu tư, phần khác là việc đầu tư đòi hỏi vốn lớn, và một phần là do tình hình thị trường Hàn Quốc trong một số năm có biến động về chính trường khiến các nhà đầu tư nhỏ của Việt Nam lo ngại. Các nhà đầu tư Việt Nam dường như cũng đang lúng túng trong việc xác định lợi thế của mình khi đầu tư sang thị trường Hàn Quốc. Việc đầu tư sang Hàn Quốc chưa theo Hiệp hội hoặc theo nhóm, điều này gây bất lợi cho chính các nhà đầu tư khi có vướng mắc hoặc rủi ro xảy ra.

3. Một số đề xuất đối với Nhà nước và nhà đầu tư Việt Nam

Nhằm tăng cường hơn nữa đầu tư trực tiếp sang Hàn Quốc của các nhà đầu tư Việt Nam, các tác giả xin đề xuất một số kiến nghị đối với Nhà nước và đề xuất với các nhà đầu tư Việt Nam như sau:

*** Đối với Nhà nước:**

- Nghiên cứu và xem xét việc ký kết một Hiệp định riêng về đầu tư song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc, chứ không chỉ là một chương thỏa thuận về đầu tư, trong đó quy định các lợi ích song phương dành riêng cho các nhà đầu tư từ hai bên, tạo thuận lợi cho dòng vốn đầu tư từ Việt Nam tiếp cận được với thị trường Hàn Quốc.

- Tiếp tục cải cách và hoàn thiện các quy trình đầu tư ra nước ngoài, trong đó cởi mở hơn đối với quy chế kiểm soát và quản lý việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tiến hành đầu tư.

- Nghiên cứu thành lập Hiệp hội nhà đầu tư Việt Nam tại Hàn Quốc. Trước mắt, do số lượng và quy mô đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam còn hạn chế, Nhà nước có thể thành lập Hiệp hội nhà đầu tư Việt Nam tại khu vực Đông Bắc Á, trong đó, phạm vi bao gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan.

- Tăng cường hỗ trợ về pháp lý và ngoại giao cho các nhà đầu tư Việt Nam từ phía Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, một mặt để tạo ra các hỗ trợ và tư vấn cần

thiết cho các nhà đầu tư, mặt khác để góp phần phối hợp với Bộ KH&ĐT Việt Nam giám sát và quản lý tình hình thực hiện vốn đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam trên thị trường Hàn Quốc nói riêng và thị trường nước ngoài nói chung.

*** Đối với các nhà đầu tư Việt Nam:**

- Tận dụng cộng đồng người Việt Nam ở Hàn Quốc với hơn 100.000 người để nhận được sự hỗ trợ về pháp lý, về mạng lưới tiêu thụ, về các vấn đề văn hóa xã hội và văn hóa kinh doanh khác khi tiến hành đầu tư tại Hàn Quốc.

- Thực hiện liên kết với các Ngân hàng và các công ty bảo hiểm để đầu tư sang Hàn Quốc nhằm tăng sức mạnh về vốn và phòng tránh các rủi ro từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Các nhà đầu tư nên thực hiện liên doanh với các doanh nghiệp Hàn Quốc để học tập các kinh nghiệm về công nghệ, về quản lý của Hàn Quốc. Các mối quan hệ, cũng như phân khúc thị trường của các công ty Hàn Quốc cũng sẽ giúp cho các nhà đầu tư Việt Nam thâm nhập vào thị trường một cách nhanh chóng và có hiệu quả hơn.

- Các doanh nghiệp và nhà đầu tư cá nhân cần chủ động nghiên cứu kỹ các cơ hội đầu tư sang Hàn Quốc và điều chỉnh các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm tận dụng các ưu đãi trong Hiệp định VKFTA đã được ký kết để đẩy mạnh đầu tư và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

4. Kết luận

Môi trường đầu tư của Hàn Quốc trong nhiều năm gần đây đã có những biến đổi theo hướng tích cực hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, song đối với các nhà đầu tư Việt Nam việc tiếp cận thị trường Hàn Quốc vẫn còn nhiều khó khăn. Các dự án đầu tư trực tiếp của Việt Nam hầu hết là dự án nhỏ, số lượng dự án ít, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ, là các lĩnh vực đầu tư có quy định khá mở ở Hàn Quốc. Phần lớn nhà đầu tư Việt Nam trên thị trường Hàn Quốc là các nhà đầu tư cá nhân hoặc các doanh nghiệp tư nhân. Sự yếu kém trong nội lực của các nhà đầu tư Việt Nam, sự thiếu vắng mối liên kết giữa các nhà đầu tư Việt Nam, cũng như các hạn chế trong quy định về chuyển tiền ra nước ngoài của Việt Nam, sự độc quyền tập đoàn của các Chaebol Hàn Quốc, các biến động trên thị trường Hàn Quốc và quy định chặt chẽ về chính sách đầu tư là những nguyên nhân khiến cho hoạt động đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc còn nhỏ và manh mún. Các giải pháp hỗ trợ đến từ Nhà nước cũng như sự chủ động về chiến lược kinh doanh của các nhà đầu tư Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc, giúp các nhà đầu tư Việt Nam tận dụng được các cơ hội mà Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) mang lại.

Tài liệu tham khảo

1. Bureau of economic and Business affairs, US. Department of State (2016), *2016 Investment Climate Statements Report*, link: <https://www.state.gov/e/eb/rls/othr/ics/2016/eap/254289.htm>
2. Chính phủ nước CHXHXN Việt Nam (2015), *Nghị định số 83/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài*.
3. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: website: <http://fia.mpi.gov.vn>.
4. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Báo cáo về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài năm 2016*.
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Đầu tư 2014*.
6. Tradingeconomics.com (2017), *Korea Indicators*.
7. Website một số công ty đầu tư sang Hàn Quốc
Công ty KTTC Việt Nam: www.kctcvn.com/
Công ty Cổ phần Thịnh vượng TVT: tvtdcorp.com.vn/
Công ty CP Trường Hải: www.thacogroup.vn/
Công ty TNHH vàng bạc đá quý Huy Thành: <http://htj.com.vn/>, Giới thiệu về công ty, link: <http://htj.com.vn/ve-chung-toi-12/>.